TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2025/KDTM-ST
Ngày: 16-01-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hứa Thị Phương Hồng.

2. Ông Lê Văn Dương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trung Hiếu **–** *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*:** Không có.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 111/2024/TLST-KDTM ngày 28/10/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 993/2024/QĐXXST-KDTM ngày 28/11/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 828/2024/QĐST-KDTM ngày 23/12/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Tổng Công ty Điện lực Thành phố H**

Trụ sở: C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn T –** Chức danh: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trang Thụy Thanh X,** sinh năm: 1976; Địa chỉ: D đường T, ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà X có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: **Công ty TNHH T1**

Trụ sở: C25/34 ấp C, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lý Bình Đ,** sinh năm: 1978 – Chức danh: Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: 6 Hậu Giang, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông Đ vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/9/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Tổng Công ty Điện lực Thành phố H có người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trang Thụy Thanh X trình bày:

Ngày 30/07/2022, Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố H - Công ty Đ1 (sau đây gọi tắt là "*Công ty Đ1*") đã ký Hợp đồng mua bán điện số 22002009 với Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1, tại địa chỉ sử dụng điện: C25/34, ấp C, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, Mã khách hàng: PE15000383819.

Sau khi ký Hợp đồng mua bán điện, Công ty Đ1 đã cung cấp điện cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 theo đúng nội dung Hợp đồng. Tuy nhiên, tiền điện sử dụng từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 đã không thanh toán tiền điện hàng tháng đầy đủ, đúng thời hạn. Tiền điện Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 nợ Tổng Công ty Điện lực Thành phố H là 26.050.891 đồng (Hai mươi sáu triệu, không trăm năm mươi ngàn, tám trăm chín mươi mốt đồng), cụ thể như sau:

- Giấy báo tiền điện tháng 06/2024 sử dụng điện từ ngày 01/06/2024 đến 30/06/2024 số tiền là 26.050.891 đồng.

Tại Khoản 1, 2 Điều 23 Luật Điện lực 2004 sửa đổi, bổ sung 2012 có quy định: *"Bên mua điện phải thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền điện ghi trong hóa đơn cho bên bán điện theo biểu giá điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Tiền điện được thanh toán tại trụ sở, nơi ở của bên mua điện hoặc tại địa điểm thuận lợi do hai bên thoả thuận trong hợp đồng mua bán điện. Bên mua điện chậm trả tiền điện phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho bên bán điện"*. Đồng thời, cũng tại điểm a Khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực 2004 sửa đổi, bổ sung 2012 cũng có quy định: "*Khách hàng sử dụng điện có nghĩa vụ thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn trong hợp đồng mua bán điện cho bên bán"*.

Theo Khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng mua bán điện, các bên thỏa thuận hình thức và thời hạn thanh toán tiền điện như sau*: "Hình thức thanh toán: Thanh toán điện tử; Khác. Thời hạn thanh toán: 05 ngày kể từ ngày Bên A thông báo thanh toán lần đầu*".

Nay đại diện Tổng Công ty Điện lực Thành phố H kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 thanh toán với tổng số tiền là: 27.841.622 đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi mốt ngàn sáu trăm hai mươi hai đồng), bao gồm nợ tiền điện 26.050.891 đồng (Hai mươi sáu triệu không trăm năm mươi ngàn tám trăm chín mươi mốt đồng), số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định pháp luật: số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 06/7/2024 với mức lãi suất 13%/ năm tạm tính đến ngày 16/01/2025 là 1.790.731 đồng (Một triệu bảy trăm chín mươi ngàn bảy trăm ba mươi mốt đồng)

và số tiền lãi chậm trả theo quy định phát sinh tương ứng từ ngày 17/01/2025 đến ngày khách hàng thanh toán hết số tiền nợ, yêu cầu trả một lần là hoàn tất số tiền nợ gốc và lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 có người đại diện theo pháp luật là ông Lý Bình Đ vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay và không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Tổng Công ty Điện lực Thành phố H khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 (gọi tắt là Công ty T1). Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số doanh nghiệp C thì bị đơn Công ty T1 có trụ sở tại C ấp C, xã H, huyện B nên căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự xác lập vào thời điểm Luật Điện lực năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2012), Luật Thương mại năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Luật Điện lực năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2012), Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Về sự vắng mặt của bị đơn Công ty T1: Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự này nhưng vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty T1 thanh toán tổng số tiền gồm nợ gốc và tiền lãi chậm trả phát sinh tạm tính đến ngày 16/01/2025 là 27.841.622 đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi mốt ngàn sáu trăm hai mươi hai đồng) và số tiền lãi chậm trả theo quy định phát sinh tương ứng tính từ ngày 17/01/2025 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ.

[6] Còn bị đơn Công ty T1, mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ

luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[7] Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nhận định như sau:

[7.1] Tổng Công ty Điện lực Thành Phố H được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; mã số doanh nghiệp C1, đăng ký lần đầu ngày 31/3/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 05/4/2023 do Phòng đăng ký kinh doanh-Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố H chứng nhận.

Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành Phố H-Công ty Đ1 được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số 0300951119-022; đăng ký lần đầu, ngày 01/7/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 05/01/2024 do Phòng đăng ký kinh doanh-Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố H chứng nhận.

Như vậy, Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành Phố H- Công ty Đ1 có chức năng bán điện cho người tiêu dùng theo thỏa thuận.

[7.2] Ngày 30/7/2022, Công ty Đ1 đã ký Hợp đồng mua bán điện số 22002009 với Công ty T1 có mã khách hàng là PE15000383819, địa chỉ sử dụng điện: C25/34 ấp C, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hợp đồng mua bán điện giữa Công ty Đ1 với Công ty T1 đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 117, Điều 119 của Bộ luật dân sự, người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định pháp luật nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng mua bán điện, Công ty Đ1 đã cung cấp điện cho Công ty T1 theo đúng nội dung Hợp đồng đã thỏa thuận. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng điện Công ty T1 còn nợ tiền điện sử dụng từ ngày 01/6/2024 đến ngày 30/6/2024 với số tiền là 26.050.891 đồng.

Tại Khoản 1 Điều 23 Luật Điện lực 2004 (sửa đổi, bổ sung 2012) có quy định: *"Bên mua điện phải thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền điện ghi trong hóa đơn cho bên bán điện theo biểu giá điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Tiền điện được thanh toán tại trụ sở, nơi ở của bên mua điện hoặc tại địa điểm thuận lợi do hai bên thoả thuận trong hợp đồng mua bán điện"*. Đồng thời, cũng tại điểm a Khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực 2004 (sửa đổi, bổ sung 2012) cũng có quy định: *"Khách hàng sử dụng điện có nghĩa vụ thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn trong hợp đồng mua bán điện cho bên bán"*.

Như vậy, căn cứ vào giấy báo tiền điện tháng 6/2024 Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Công ty T1 còn nợ tiền điện là 26.050.891 đồng (Hai mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn tám trăm chín mươi mốt đồng).

[7.3] Đối với yêu cầu tính lãi số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tiền điện, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền điện tháng 6/2024.

Tại Khoản 2 Điều 23 Luật Điện lực 2004 (sửa đổi, bổ sung 2012) có quy định: "*2. Bên mua điện chậm trả tiền điện phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho bên bán điện"*

Tại tiểu mục 3.2 khoản 3 Điều 3 của Hợp đồng mua bán điện ngày 30/7/2022 thì các bên thỏa thuận *"Hình thức thanh toán: Thanh toán điện tử; Khác. Thời hạn thanh toán: 05 ngày kể từ ngày Bên A thông báo thanh toán lần đầu."*

Còn tại tiểu mục (iii) 10.4 Điều 10 của Hợp đồng mua bán điện ngày 30/7/2022 về thanh toán thì các bên thỏa thuận: "…*Khoản tiền lãi chậm trả theo Điều này được tính bằng khoản còn thiếu nhân với lãi suất chậm trả và nhân với số ngày chậm trả. Số ngày chậm trả được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày bên B thanh toán đủ hoặc ngày bên A ngừng cấp điện cho bên B theo quy định tạo Điều 10.4c và 11.1.a".*

Nguyên đơn yêu cầu Công ty T1 thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tiền điện theo mức lãi suất là 13%/năm.

Căn cứ theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 thì *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.*

Tham khảo mức lãi suất của 03 ngân hàng gồm:

- Ngân hàng N – Chi nhánh Nam Thành phố H lãi suất cho vay là 9,6%/ năm;

- Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh T2 lãi suất cho vay là 9%/ năm;

- Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B lãi suất cho vay là 12,5%/năm.

Do đó, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng trên là: 150% x (9,6%/năm + 9%/năm + 12,5%/năm)/3 = 15,55%/năm. Như vậy, mức lãi suất chậm trả trên số tiền điện mà nguyên đơn yêu cầu là thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng và phù hợp với Điều 306 Luật Thương mại nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả theo lãi suất 13%/năm.

[7.4] Đối chiếu các quy định đã viện dẫn và những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền điện còn thiếu là 26.050.891 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 16/01/2025 là 1.790.731 đồng, tổng cộng là 27.841.622 đồng (hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng) và số tiền lãi chậm trả theo quy định phát sinh tương ứng tính từ ngày 17/01/2025 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 117, Điều 119, khoản 1 Điều 280, Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 23, Điều 46 Luật Điện lực năm 2004 (sửa đổi, bổ sung 2012); Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty Điện lực Thành Phố H đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 thanh toán cho Tổng Công ty Điện lực Thành Phố H TNHH số tiền điện còn thiếu là 27.841.622 đồng (hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng), thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả tiền theo quyết định thì Tổng Công ty Điện lực Thành Phố H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 trả tiền theo quyết định trên. Kể từ khi Tổng Công ty Điện lực Thành Phố H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 chậm trả tiền theo quyết định thì Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 còn phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

2.1 Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 phải chịu án phí sơ thẩm là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

2.2 Nguyên đơn Tổng Công ty Điện lực Thành Phố H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) đã nộp theo theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0051038 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

2 000015 809207

Trần Thị Hồng Cẩm